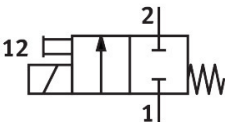


Van điện từ
MHA1-M1LCH-2/2G-1.5-HC
Số bộ phận: 557864

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chức năng van	2/2 đóng đơn ổn định
Kiểu vận hành	điện
Chiều rộng lắp đặt	10 mm
Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	30 l/ph
Cổng nối làm việc bằng khí nén	Tấm kết nối
Điện áp vận hành	24V DC
Áp suất vận hành	0 bar...1.5 bar
Cấu trúc xây dựng	Van đĩa với lò xo hồi
Kiểu cài đặt lại	lò xo cơ học
Mức độ bảo vệ	IP40
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Chiều rộng định mức	1.5 mm
Kích thước lưới	10 mm
Chức năng khí xả	không thể điều tiết
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Nút ghi đè	quét
Kiểu điều khiển	trực tiếp
Hướng dòng chảy	không thể đảo ngược
Hiển thị trạng thái tín hiệu	Đèn LED
Áp suất vận hành có thể đảo ngược	-0.95 bar...0 bar
Phù hợp với chân không	có
Lưu lượng bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343)	30 l/ph
Tần số chuyển mạch tối đa	10 Hz
Thời gian chuyển mạch tắt	6 ms
Thời gian chuyển mạch bật	6 ms
Thời gian bật	100%
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: Pha dòng điện thấp 0,7 W, pha dòng điện cao 3,0 W

Đặc tính	Giá trị
Dao động điện áp cho phép	+/- 10 %
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...60 °C
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...50 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
trọng lượng sản phẩm	10 g
Chiều dài dây dẫn tối đa	30m
Cổng nối điện	Giắc cắm KMH
Kiểu gắn	trên tấm kết nối
Cổng nối khí nén 1	Tấm kết nối
Cổng nối khí nén 11	Tấm kết nối
Cổng nối khí nén 2	Tấm kết nối
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	FPM HNBR NBR
Vật liệu vỏ	PA gia cố PPS gia cố
Vật liệu vít	Thép